

# KHUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MA TRẬN ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN

## I. CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

**1. Hình thức thi:** Tự luận, thang điểm 20.

**2. Thời gian làm bài:** 180 phút.

**3. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm hai câu: 01 câu viết bài nghị luận xã hội và 01 câu viết bài nghị luận văn học.

**3.1. Nghị luận xã hội (8,0 điểm):** Từ ngữ liệu nêu ra, thí sinh viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết của đời sống. Ngữ liệu sử dụng thuộc phạm vi ngoài chương trình sách giáo khoa THCS của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo (gọi tắt: ngoài chương trình SGK).

**3.2. Nghị luận văn học (12,0 điểm):** Thí sinh viết bài văn nghị luận làm rõ vấn đề được nêu. Có hai dạng đề cơ bản: (1) Cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh viết bài nghị luận về vấn đề và ngữ liệu nêu ra; (2) Không cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh vận dụng hiểu biết, trải nghiệm văn học để viết bài.

## 4. Khung ma trận đề thi và chương trình bồi dưỡng

### 4.1. Khung ma trận đề thi

TT	Chủ đề	Nội dung chính	Số câu	Tổng điểm
1	Nghị luận xã hội	<ul style="list-style-type: none"><li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận xã hội.</li><li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li><li>- Sử dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li><li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</li><li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới, khoa học.</li><li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li></ul>	01	8,0 điểm
2	Nghị luận văn học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận văn học.</li><li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li><li>- Vận dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li><li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Trường hợp đề bài không cho sẵn văn bản, khuyến khích</li></ul>	01	12,0 điểm

	<p>học sinh lựa chọn văn bản ngoài chương trình SGK. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng và khai thác linh hoạt, phù hợp những tri thức ngữ văn, lí luận văn học trong bài viết.</li> <li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới mẻ, khoa học.</li> <li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li> </ul>		
--	---	--	--

#### 4.2. Khung chương trình bồi dưỡng

Chủ đề	Nội dung chính	Ghi chú
<b>Nghị luận xã hội</b>	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết của đời sống.	Ngữ liệu sử dụng trong đề thi thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK
<b>Nghị luận văn học</b>	<p>* Kiến thức văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những trải nghiệm cuộc sống và việc hiểu văn học.</li> <li>- Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học.</li> <li>- Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.</li> </ul> <hr/> <p>- Thể loại văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đặc trưng của thể loại thơ và truyện ngắn;</li> <li>+ Nhận biết, làm rõ đặc trưng thể loại ở tác phẩm văn học, thấy được giá trị của những đặc trưng ấy trong việc tạo nên giá trị tác phẩm.</li> </ul> <hr/> <p>- Giá trị, chức năng văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị, chức năng của văn học tới đời sống con người: nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ (tập trung chủ yếu vào giá trị nhận thức).</li> <li>+ Nhận biết, làm rõ giá trị, tác động của văn học tới con người.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung cơ bản và nâng cao;</li> <li>- Ngữ liệu sử dụng trong đề thi (nếu có) thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK</li> </ul>

## II. TUYỂN SINH VÀO 10 ĐẠI TRÀ

**1. Hình thức thi:** Tự luận, thang điểm 10.

**2. Thời gian làm bài:** 120 phút.

**3. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm hai phần: Đọc hiểu và Viết.

### 3.1. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Ngữ liệu là một trong ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; Ngữ liệu sử dụng thuộc phạm vi ngoài chương trình sách giáo khoa THCS của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo (gọi tắt: ngoài chương trình SGK).

- Thí sinh thực hiện các yêu cầu đọc hiểu: 05 câu hỏi; trong đó: có 02 câu ở mức độ biết, 02 câu ở mức độ thông hiểu (bao gồm 01 câu về tiếng Việt) và 01 câu ở mức độ vận dụng.

### 3.2. Viết (6,0 điểm)

Gồm 02 câu: 01 câu viết đoạn văn (2,0 điểm) và 01 câu viết bài văn (4,0 điểm).

- Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần viết đoạn văn yêu cầu là nghị luận xã hội, phần viết bài văn là nghị luận văn học. Nếu ngữ liệu ở phần đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì phần viết đoạn văn là nghị luận văn học, phần viết bài văn là nghị luận xã hội.

- *Phần nghị luận xã hội:* Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (có thể liên quan hoặc không liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi). *Phần nghị luận văn học:* Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó (ngữ liệu ngoài chương trình SGK).

## 4. Khung ma trận đề thi và bản đặc tả ma trận

### 4.1. Khung ma trận đề thi

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Đọc hiểu văn bản	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn (NLXH/NLVH)	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn (NLXH/NLVH)	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

### 4.2. Bản đặc tả đề thi

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	ĐỌC HIỂU			2	2	1

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
	1. Văn bản văn học	1.1. Truyện truyền kì, truyện trinh thám	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.</li> <li>- Xác định được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản.</li> <li>- Chỉ ra sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì và truyện trinh thám.</li> <li>- Chỉ ra nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; điển tích, điển cố; các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nội dung bao quát của văn bản.</li> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.</li> <li>- Phân tích một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.</li> <li>- Phân tích chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Phân tích một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.</li> <li>- Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra bài học từ nội dung văn bản; Thể hiện thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.</li> </ul>			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống cách tiếp nhận sau khi đọc hiểu văn bản.</li> <li>- Huy động những hiểu biết, trải nghiệm văn học để đọc hiểu văn bản.</li> </ul>			
		1.2. Truyện thơ Nôm	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.</li> <li>- Xác định sự kết hợp giữa những yếu tố quy phạm của văn học trung đại và yếu tố bình dân trong truyện thơ.</li> <li>- Chỉ ra được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện thơ Nôm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nội dung bao quát của văn bản.</li> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của truyện thơ.</li> <li>- Phân tích một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong truyện thơ Nôm.</li> <li>- Phân tích, lí giải chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện thơ Nôm.</li> <li>- Phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra bài học từ nội dung văn bản; Thể hiện thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.</li> <li>- Nêu những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống cách tiếp nhận sau khi đọc hiểu văn bản.</li> </ul>			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			- Huy động những hiểu biết, trải nghiệm văn học để đọc hiểu văn bản.			
	1.3. Thơ song thất lục bát, thơ tám chữ	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được một số yếu tố về luật của thơ song thất lục bát, thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.</li> <li>- Nêu được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.</li> <li>- Phân tích chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Phân tích tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.</li> <li>- Lí giải nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.</li> <li>- Phân tích nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.</li> <li>- Huy động những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.</li> <li>- Phân biệt sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.</li> </ul>				
	1.4. Bi kịch	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được nhân vật và lời thoại của nhân vật trong bi kịch.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nội dung bao quát của văn bản.</li> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của bi kịch.</li> <li>- Phân tích một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, lời thoại.</li> </ul>				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Phân tích nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.</li> <li>- Phân biệt sự khác nhau giữa bi kịch với hài kịch.</li> <li>- Huy động những hiểu biết, trải nghiệm văn học để đọc hiểu văn bản.</li> </ul>			
		2. Văn bản nghị luận	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.</li> <li>- Xác định được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nội dung bao quát của văn bản.</li> <li>- Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.</li> <li>- Lí giải vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.</li> <li>- Phân tích cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).</li> <li>- Phân biệt tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác nhau về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây hiểu nhầm trong văn bản nghị luận.</li> </ul>			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			<p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.</li> <li>- Chỉ ra cách tiếp nhận khác nhau (nếu có) về cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá tính chất đúng/sai, toàn diện/ chưa toàn diện của vấn đề đặt ra trong văn bản.</li> </ul>			
		3. Văn bản thông tin	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn.</li> <li>- Nêu cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...</li> <li>- Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, bảng biểu, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.</li> <li>- Nêu được tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng như UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,... xuất hiện trong văn bản (nếu có).</li> <li>- Xác định sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp có trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích thông tin cơ bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.</li> <li>- Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.</li> <li>- Phân tích tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...</li> <li>- Phân tích quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ</li> </ul>			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			thị, sơ đồ, bảng biểu) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. - Phân biệt tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác nhau về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây hiểu nhầm trong văn bản nghị luận. <b>Vận dụng:</b> - Đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Liên hệ, huy động được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết vấn đề trong đời sống.			
2	VIẾT	2.1. Đoạn văn nghị luận xã hội/ Cảm nghĩ về thơ tám chữ	<b>* Viết đoạn văn nghị luận xã hội</b> <b>Biết:</b> - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận. <b>Thông hiểu:</b> - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <b>Vận dụng</b> - Nêu bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận. - Đánh giá ý nghĩa, giá trị đặc sắc của vấn đề nghị luận. - Thể hiện sâu sắc quan điểm cá nhân; có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.			1*
			<b>* Viết đoạn văn cảm nghĩ về thơ tám chữ</b> <b>Biết:</b> - Giới thiệu được khái quát tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn cảm nghĩ.			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống ý theo cảm nghĩ của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nhận xét, thể hiện thái độ, đánh giá của bản thân.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị đặc sắc của vấn đề nghị luận; Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt để tăng sức thuyết phục cho đoạn văn.</li> <li>- Thể hiện sâu sắc quan điểm cá nhân; có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.</li> </ul>			
		2.2. Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết/ Phân tích tác phẩm văn học	<p><b>* Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục</b></p> <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận xã hội.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nội dung vấn đề của đời sống cần giải quyết; thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.</li> <li>- Trình bày những giải pháp khả thi và có sức thuyết phục về vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về một vấn đề cụ thể cần giải quyết một cách thuyết phục.</li> </ul>			1*

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn dẫn chứng phù hợp, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề.</li> <li>- Huy động trải nghiệm của bản thân để đánh giá ý nghĩa, nêu ra bài học từ vấn đề nghị luận.</li> </ul>			
			<p><b>* Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó</b></p> <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận văn học.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định chủ đề, giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm/ đoạn trích theo yêu cầu của đề.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng quy trình viết bài nghị luận văn học để xác định luận đề, xây dựng hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cho bài văn.</li> <li>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, sử dụng các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của văn bản. Liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</li> <li>- Sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</li> </ul>			

### III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN NGỮ VĂN

**1. Hình thức thi:** Tự luận, thang điểm 10.

**2. Thời gian làm bài:** 150 phút.

**3. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm hai câu: 01 câu viết bài nghị luận xã hội và 01 câu viết bài nghị luận văn học.

**3.1. Nghị luận xã hội (4,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. Vấn đề cần giải quyết có thể được nêu ra từ nhận định, quan điểm hoặc hiện tượng xã hội có trong ngữ liệu. Ngữ liệu sử dụng thuộc phạm vi ngoài chương trình sách giáo khoa THCS của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo (gọi tắt: ngoài chương trình SGK).

**3.2. Nghị luận văn học (6,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (tác phẩm hoặc đoạn trích ngoài chương trình SGK): phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

#### 4. Khung ma trận đề thi và bản đặc tả ma trận

##### 4.1. Khung ma trận đề thi

Câu	Nội dung kiến thức/ Đơn vị kĩ năng	Cấp độ tư duy			Tổng điểm
		Biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Nghị luận xã hội	10%	10%	20%	4,0 điểm
2	Nghị luận văn học	10%	10%	40%	6,0 điểm

##### 4.2. Bản đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	VIẾT	Bài văn nghị luận xã hội	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</li> <li>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận xã hội.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định nội dung vấn đề của đời sống cần giải quyết; thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.</li> <li>Trình bày những giải pháp khả thi và có sức thuyết phục về vấn đề nghị luận.</li> <li>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p>			1*

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về một vấn đề cụ thể cần giải quyết một cách thuyết phục.</li> <li>- Lựa chọn dẫn chứng phù hợp, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề.</li> <li>- Huy động trải nghiệm của bản thân để đánh giá ý nghĩa, nêu ra bài học từ vấn đề nghị luận.</li> </ul>			
2	VIẾT	Bài văn nghị luận văn học	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận văn học.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định chủ đề, giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm/ đoạn trích theo yêu cầu của đề.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng quy trình viết bài nghị luận văn học để xác định luận đề, xây dựng hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cho bài văn.</li> <li>- Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, sử dụng các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật của văn bản.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của văn bản. Liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.</li> <li>- Sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</li> </ul>			1*

## IV. CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 11

**1. Hình thức thi:** Tự luận, thang điểm 20.

**2. Thời gian làm bài:** 180 phút.

**3. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm hai câu: 01 câu viết bài nghị luận xã hội và 01 câu viết bài nghị luận văn học.

**3.1. Nghị luận xã hội (8,0 điểm):** Thí sinh viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí / một hiện tượng đời sống hoặc về một vấn đề xã hội. Ngữ liệu sử dụng thuộc phạm vi ngoài chương trình sách giáo khoa THPT của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo (gọi tắt: ngoài chương trình SGK).

**3.2. Nghị luận văn học (12,0 điểm):** Thí sinh viết bài văn nghị luận; có hai dạng đề cơ bản: (1) Cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh viết bài nghị luận về vấn đề và ngữ liệu nêu ra; (2) Không cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh vận dụng hiểu biết, trải nghiệm văn học để viết bài.

### 4. Khung ma trận đề thi và chương trình bồi dưỡng

#### 4.1. Khung ma trận đề thi

TT	Chủ đề	Nội dung chính	Số câu	Tổng điểm
1	<b>Nghị luận xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận xã hội.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li> <li>- Sử dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li> <li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</li> <li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới, khoa học.</li> <li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li> </ul>	<b>01</b>	<b>8,0 điểm</b>
2	<b>Nghị luận văn học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận văn học.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li> <li>- Vận dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li> <li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề.</li> </ul>	<b>01</b>	<b>12,0 điểm</b>

	<p>Trường hợp đề bài không cho sẵn văn bản, khuyến khích học sinh lựa chọn văn bản ngoài chương trình SGK. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng và khai thác linh hoạt, phù hợp những tri thức ngữ văn, lí luận văn học trong bài viết.</li> <li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới mẻ, khoa học.</li> <li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li> </ul>		
--	---	--	--

#### 4.2. Khung chương trình bồi dưỡng

Chủ đề	Nội dung chính	Ghi chú
<b>Nghị luận xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí hoặc một hiện tượng đời sống.</li> <li>- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.</li> </ul>	Ngữ liệu sử dụng trong đề thi thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK
<b>Nghị luận văn học</b>	<p><i>Kiến thức văn học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc trưng, giá trị, chức năng của văn học.</li> <li>- Nhà văn và quá trình sáng tạo.</li> <li>- Phong cách nghệ thuật.</li> <li>- Đặc trưng thể loại thơ, truyện, kịch, kí trên cơ sở đối chiếu, so sánh giữa các thể loại văn học.</li> <li>- Tiếp nhận văn học.</li> </ul> <p><i>Kiểu bài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị luận về một tác phẩm văn học (làm sáng tỏ một ý kiến, nhận định bàn về văn học).</li> <li>- Nghị luận về một ý kiến, nhận định về văn học (vận dụng hiểu biết, trải nghiệm văn học để bàn về vấn đề nghị luận).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung cơ bản và nâng cao;</li> <li>- Ngữ liệu sử dụng trong đề thi (nếu có) thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK</li> </ul>

## V. CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12

**1. Hình thức thi:** Tự luận, thang điểm 20.

**2. Thời gian làm bài:** 180 phút.

**3. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm hai câu: 01 câu viết bài nghị luận xã hội và 01 câu viết bài nghị luận văn học.

**3.1. Nghị luận xã hội (8,0 điểm):** Thí sinh viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí / một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ. Ngữ liệu sử dụng thuộc phạm vi ngoài chương trình sách giáo khoa THPT của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo (gọi tắt: ngoài chương trình SGK).

**3.2. Nghị luận văn học (12,0 điểm):** Thí sinh viết bài văn nghị luận; có hai dạng đề cơ bản: (1) Cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh viết bài nghị luận về vấn đề và ngữ liệu nêu ra; (2) Không cho sẵn văn bản ngoài chương trình SGK, thí sinh vận dụng hiểu biết, trải nghiệm văn học để viết bài.

### 4. Khung ma trận đề thi và chương trình bồi dưỡng

#### 4.1. Khung ma trận đề thi

TT	Chủ đề	Nội dung chính	Số câu	Tổng điểm
1	Nghị luận xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận xã hội.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li> <li>- Sử dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li> <li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</li> <li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới, khoa học.</li> <li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li> </ul>	01	8,0 điểm
2	Nghị luận văn học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước theo quy trình viết kiểu bài nghị luận văn học.</li> <li>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Có sáng tạo, văn phong trong sáng; từ ngữ chuẩn xác, có giọng điệu riêng.</li> <li>- Vận dụng linh hoạt các phương thức biểu cảm, tự sự, nghị luận; các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bác bỏ, so sánh.</li> <li>- Lựa chọn dẫn chứng, phân tích để làm sáng tỏ vấn đề. Trường hợp đề bài không cho sẵn văn bản, khuyến khích</li> </ul>	01	12,0 điểm

	<p>học sinh lựa chọn văn bản ngoài chương trình SGK. Thể hiện sự sâu sắc trong cách khai thác dẫn chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng và khai thác linh hoạt, phù hợp những tri thức ngữ văn, lí luận văn học trong bài viết.</li> <li>- Diễn đạt chặt chẽ, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng. Có những kiến giải mới mẻ, khoa học.</li> <li>- Đảm bảo qui tắc chính tả: dùng từ, đặt câu...</li> </ul>		
--	---	--	--

#### 4.2. Khung chương trình bồi dưỡng

Chủ đề	Nội dung chính	Ghi chú
<b>Nghị luận xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí hoặc một hiện tượng đời sống.</li> <li>- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.</li> </ul>	Ngữ liệu sử dụng trong đề thi thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK
<b>Nghị luận văn học</b>	<p><i>Kiến thức văn học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc trưng, giá trị, chức năng của văn học.</li> <li>- Nhà văn và quá trình sáng tạo.</li> <li>- Phong cách nghệ thuật.</li> <li>- Đặc trưng thể loại thơ, truyện, kịch, kí trên cơ sở đối chiếu, so sánh giữa các thể loại văn học.</li> <li>- Tiếp nhận văn học.</li> </ul> <p><i>Kiểu bài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm văn học (làm sáng tỏ một ý kiến, nhận định bàn về văn học).</li> <li>- Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học (vận dụng hiểu biết, trải nghiệm văn học để bàn về vấn đề nghị luận).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung cơ bản và nâng cao;</li> <li>- Ngữ liệu sử dụng trong đề thi (nếu có) thuộc phạm vi ngoài chương trình SGK</li> </ul>